| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 195/2026/DS-ST
Ngày: 20-8-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH,**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thùy**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Hoàng Thị Tuyết

2. Ông Phan Tiến Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lâm Công Chức – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đinh Nữ Thuỳ Linh – Kiểm sát viên

Vào ngày 20 tháng 8 năm 2026 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 467/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 222/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Phước T, sinh năm: 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Số 3 đường Nguyễn Cảnh Chân, tổ 20, ấp Hải Bình, xã Long Hải, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Văn Đ – thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Địa chỉ: 357/9 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Ngô Ngọc Uyên N, sinh năm: 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 15 khu phố Bến Đình, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Lê Thị Hồng N1, sinh năm: 1999 (văn bản uỷ quyền lập ngày 31/7/2026) (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Tân Hạnh, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Phước T trình bày:*

Ông và bà Ngô Ngọc Uyên N bắt đầu quen biết nhau vào khoảng tháng 02 năm 2025. Sau khoảng thời gian nói chuyện với bà N thì ông và bà N có phát sinh tình cảm với nhau nhưng chưa chính thức bước vào mối quan hệ yêu đương, ông và bà N vẫn ở giai đoạn tìm hiểu nhau. Khoảng tháng 9 năm 2025 bà N có nói với ông là gia đình bà gặp khó khăn nên cần vay 200.000.000 đồng để xoay sở công việc làm ăn. Ngày 14/9/2025 bà N nhắn tin qua facebook cho ông hỏi vay số tiền 200.000.000 đồng nên ngày 15/9/2025 ông đã chuyển khoản cho bà N hai lần tiền với tổng số tiền 200.000.000 đồng. Nội dung hai lần chuyển như sau: lần thứ nhất số tiền là 100.000.000 đồng (nhưng ông chuyển khoản 99.999.999 đồng) nội dung là "anh cho Nhi vay nhe" có nghĩa là anh cho Nhi vay nhé, lần thứ hai chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng (nhưng ông chuyển khoản 99.999.999 đồng) nội dung là "thieu 2 nua la hoan hao" có nghĩa là thiếu hai nữa là hoàn hảo. Nội dung thiếu hai nữa là hoàn hảo nghĩa là thiếu 2 đồng nữa là tròn hai trăm triệu. Việc vay tiền này có lãi nhưng ông chưa thoả thuận lãi suất với bà N. Hai bên không thoả thuận về thời hạn vay.

Sau khi ông cho bà N vay tiền thì vào lúc 23 giờ 48 phút 40 giây ngày 04/10/2025 bà N đã chuyển khoản trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó bà N có nhắn tin qua facebook cho ông vào lúc 11h49 PM (23 giờ 49 phút) ngày 04/10/2025 là "còn lại em sẽ sắp xếp trả anh sau" có nghĩa là số tiền 100.000.000 đồng còn lại bà N sẽ sắp xếp trả cho ông sau. Ông đồng ý.

Vào ngày 21/10/2025 thì bà N có nhắn tin qua facebook cho ông xác nhận nợ và đề nghị trả số tiền này trong thời hạn 06 tháng.

Hết thời hạn 06 tháng nhưng bà N không trả cho ông. Do bà N không thực hiện đúng lời hứa nên khoảng đầu tháng 3 năm 2026 ông đã nhắn tin qua zalo cho bà N yêu cầu bà N trả khoản nợ này nhưng bà N chưa có tiền và hẹn khi nào sang được quán thì sẽ trả tiền cho ông, ông không đồng ý với đề nghị này của bà N yêu cầu bà N ký giấy nợ để ông yên tâm. Bà N xin ông hết tháng 3 để xoay tiền. Đến ngày 23/3/2026 bà N nhắn tin qua zalo cho ông đề nghị ông sao kê giúp số tiền để gia đình bà sẽ tính toán. Ông đã gửi lại ba bill chuyển khoản gồm 2 bill ông chuyển khoản cho bà N vay và 1 bill bà N chuyển khoản trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng. Hai bên thống nhất đến ngày 31/3/2026 bà N sẽ trả cho ông số tiền nợ còn lại 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 26/3/2026 bà N không đồng ý trả nợ cho ông cũng như không đồng ý ký giấy xác nhận nợ.

Do đó, ông khởi kiện bà N yêu cầu bà Ngô Ngọc Uyên N trả cho ông số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, không yêu cầu bà N trả lãi.

Tại phiên tòa, ông vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu nêu trên và không có ý kiến yêu cầu gì khác

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Ngọc Uyên N trình bày:*

Khoảng tháng 02 năm 2025 thì giữa bà và ông Đặng Phước T có nhắn tin nói chuyện với nhau. Sau đó bà và ông T có phát sinh tình cảm. Trong khoảng thời gian bà

và ông T tìm hiểu thì ông T biết gia đình bà gặp khó khăn về kinh tế nên ông T đã tự ý chuyển cho bà hai lần tiền cụ thể:

Lần thứ nhất vào ngày 15/9/2025 khoảng hơn 4 giờ chiều ông T chuyển cho bà số tiền 99.999.999 đồng với nội dung là "anh cho Nhi vay nhe" có nghĩa là anh cho Nhi vay nhé. Sau khi ông T chuyển xong thì bà có nhắn tin cho ông T yêu cầu ông T đừng chuyển cho bà nữa, đối với tin nhắn này hiện tại bà không cung cấp được cho Toà án.

Lần thứ hai vào ngày 15/9/2025 vào khoảng hơn 6 giờ tối ông T tiếp tục chuyển cho bà số tiền 99.999.999 đồng với nội dung là "thieu 2 nua la hoan hao" có nghĩa là thiếu hai nữa là hoàn hảo

Đối với lần chuyển khoản thứ nhất bà xác nhận đây là khoản tiền bà vay của ông T 100.000.000 đồng và vào lúc 23 giờ 48 phút 40 giây ngày 04/10/2025 bà đã chuyển khoản trả cho ông T số tiền 100.000.000 đồng để trả cho khoản vay lần thứ nhất

Các hình ảnh tin nhắn qua facebook và zalo mà ông T cung cấp cho Toà thì bà xác nhận bà đã được tiếp cận đầy đủ và đây là các tin nhắn giữa bà và ông T trao đổi với nhau. .

Trước đó giữa bà và ông T không có bất cứ các lần giao dịch chuyển khoản nào khác cho nhau.

Đối với lần chuyển khoản thứ hai thì bà xác nhận đây không phải là khoản tiền bà vay của ông T mà ông T tự nguyện chuyển khoản để tặng cho bà số tiền này. Do đó bà không đồng ý trả cho ông T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) mà ông T đã chuyển khoản cho bà lần thứ 2.

Ngoài ra bà không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của bà N trình bày:

Bà đại diện bà N xác nhận bà N không vay ông T số tiền đối với lần chuyển khoản thứ hai, số tiền của lần chuyển khoản thứ hai là khoản tiền ông T tặng cho bà N. Tuy nhiên, bà N đồng ý trả cho ông T số tiền theo yêu cầu khởi kiện là 100.000.000 đồng nhưng hiện nay bà N đang gặp khó khăn về kinh tế nên bà N đề nghị sẽ trả khoản tiền này cho ông T trong thời hạn 3 đến năm 5 năm. Ngoài ra bà N không có ý kiến yêu cầu gì khác.

***Tại phiên toà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Vũ Văn Đ trình bày:***

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn lại chưa trả được làm tròn là 100.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về án phí bị đơn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Đặng Phước T khởi kiện yêu cầu bà Ngô Ngọc Uyên N trả cho ông số tiền vay là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Ngọc Uyên N cư trú tại địa chỉ tổ 15 khu phố Bến Đình, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về pháp luật áp dụng: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đều thừa nhận vào ngày 14/9/2025 bị đơn có nhắn tin cho nguyên đơn để hỏi vay số tiền 200.000.000 đồng và ngày 15/9/2025 nguyên đơn có chuyển khoản cho bị đơn hai lần với tổng số tiền số tiền 199.999.998 đồng. Như vậy Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn có nhận được số tiền này từ nguyên đơn. Đồng thời bị đơn và nguyên đơn cũng xác nhận bị đơn đã chuyển khoản trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng vào lúc 23 giờ 48 phút 40 giây ngày 04/10/2025. Do đó Hội đồng xét xử xác định số tiền còn lại bị đơn chưa trả cho nguyên đơn là 99.999.998 đồng.

Bị đơn cho rằng số tiền của lần chuyển khoản thứ hai là tiền nguyên đơn tặng cho bị đơn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử căn cứ vào nội dung của hai lần chuyển khoản lần thứ nhất "anh cho Nhi vay nhé", lần thứ hai "còn thiếu hai là hoàn hảo" thì không có nội dung nào thể hiện ông T tặng cho bà N số tiền của lần chuyển khoản thứ hai. Ngoài ra bị đơn cũng thừa nhận các tin nhắn facebook và zalo do nguyên đơn cung cấp là tin nhắn trao đổi giữa nguyên đơn và bị đơn cụ thể tại tin nhắn vào lúc 14 giờ 49 phút ngày 04/10/2025 bà N nhắn "còn lại em sẽ sắp xếp trả anh sau" "em coi đó là nợ rồi" và các tin nhắn khác thể hiện bà N đồng ý trả cho ông T số tiền còn lại vào cuối tháng 3 năm 2026, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho việc lần chuyển khoản thứ hai là tiền nguyên đơn tặng cho bị đơn. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của bị đơn.

Căn cứ vào các tin nhắn trao đổi qua facebook, zalo, sao kê tài khoản Ngân hàng mà nguyên đơn cung cấp cùng sự thừa nhận của bị đơn thì Hội đồng xét xử xác định toàn bộ số tiền 199.999.998 đồng mà nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn hai lần vào ngày 15/9/2025 là tiền mà nguyên đơn cho bị đơn vay, bị đơn đã trả được cho nguyên đơn số tiền gốc 100.000.000 đồng số tiền còn lại 99.999.998 đồng bị đơn chưa trả cho nguyên đơn

Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng".*

Điều 280 Bộ luật dân sự quy định:

*"Nghĩa vụ trả tiền phải phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức thỏa thuận"*

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*

Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)

[5] Về thời gian trả nợ: Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đề nghị trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng trong thời hạn ba đến năm năm thì Hội đồng xét xử xét thấy việc này chỉ nhằm kéo dài thời gian trả nợ của bị đơn, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn cũng không đồng ý với đề nghị này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận với đề nghị này của bị đơn.

[6] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể bà N chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Nguyên đơn ông Đặng Phước T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Phước T đối với bị đơn bà Ngô Ngọc Uyên N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Ngô Ngọc Uyên N có trách nhiệm trả cho ông Đặng Phước T số tiền nợ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Bà Ngô Ngọc Uyên N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

2.2. Ông Đặng Phước T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031126 ngày 20/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV12-TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy**